

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2010/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2010

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quy trình, thủ tục đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định hàng năm từ nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và các Ban quản lý dự án thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ, ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về quy trình, thủ tục đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định hàng năm từ nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và các Ban quản lý dự án thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về quy trình, thủ tục đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định hàng năm từ nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư tại các cơ quan hành

chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và các Ban quản lý dự án thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ, các chương trình dự án, các Ban quản lý dự án (gọi chung là đơn vị) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thực hiện việc đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định hàng năm từ nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư áp dụng theo Thông tư này.

2. Đối với các Ban quản lý dự án sử dụng kinh phí chi ban quản lý dự án từ nguồn đầu tư để sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định hàng năm có thể áp dụng theo Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định

1. Việc đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định phải căn cứ theo tiêu chuẩn, định mức đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và bảo đảm thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Khi thực hiện việc đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định chủ đầu tư phải căn cứ kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí đã được Bộ chấp thuận và phê duyệt chủ trương.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Lập kế hoạch và giao dự toán hàng năm

1. Hàng năm, các đơn vị lập kế hoạch dự toán đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định và tổng hợp cùng với dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định, cụ thể:

a) Căn cứ vào số phân bổ về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính thông báo, Vụ Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Vụ Tổ chức Cán bộ và Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường phân bổ số kiểm tra và thông báo số kiểm tra về dự toán chi ngân sách đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định hàng năm cho các đơn vị;

b) Các đơn vị căn cứ theo tiêu chuẩn, định mức và kế hoạch để lập kế hoạch dự toán đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định và gửi dự toán về Vụ Tài

chính đồng thời gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường (đối với đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định từ nguồn sự nghiệp khoa học), Vụ Tổ chức cán bộ (đối với đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định từ nguồn sự nghiệp giáo dục đào tạo chương trình mục tiêu) trước ngày 10/7; Vụ Tài chính xem xét tổng hợp kế hoạch dự toán báo cáo Bộ trưởng trước ngày 25/7 để gửi Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, và được cấp có thẩm quyền thẩm định phương án phân bổ vốn, theo ủy quyền của Bộ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tài chính giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị dự toán trực thuộc, hoàn thành trước ngày 31/12.

3. Căn cứ dự toán ngân sách được giao và khả năng các nguồn kinh phí khác của đơn vị, đơn vị lập kế hoạch sử dụng kinh phí ngoài thường xuyên và nguồn kinh phí khác trình Bộ (Vụ Tài chính) phê duyệt, hoàn thành trước ngày 15/02.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương và thủ tục đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định

Căn cứ vào kế hoạch được phê duyệt, đơn vị thực hiện trình Bộ (hoặc tự phê duyệt theo phân cấp) phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ.

1. Bộ trưởng phê duyệt chủ trương và thủ tục đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định có tổng giá trị trên 2 tỷ đồng và các tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng, phương tiện vận chuyển, vườn cây lâu năm, đàn gia súc giống gốc.

2. Bộ trưởng giao thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định có tổng giá trị từ 500 triệu đồng đến 2 tỷ đồng cho thủ trưởng các đơn vị sau:

a) Vụ trưởng Vụ Tài chính phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định (đối với tất cả các nguồn trừ nguồn sự nghiệp khoa học và chương trình mục tiêu thuộc nguồn sự nghiệp đào tạo);

b) Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa lớn từ nguồn sự nghiệp khoa học;

c) Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa lớn, từ nguồn sự nghiệp đào tạo (chương trình mục tiêu).

3. Thủ trưởng các đơn vị căn cứ kế hoạch, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức sử dụng và sự cần thiết phải đầu tư, phê duyệt chủ trương, thủ tục đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định có tổng giá trị dưới 500 triệu đồng (trừ các tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng, phương tiện vận chuyển, vườn cây lâu năm, đàn gia súc giống gốc).

Điều 6. Hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định

1. Tờ trình đề nghị của đơn vị về việc xin phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định.
2. Bản thuyết minh nêu rõ sự cần thiết, mô tả khái quát diện tích, quy mô, dự kiến kinh phí.
3. Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình theo quy định tại Điểm 4, Điều 35 Luật Xây dựng.
4. Kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí ngoài thường xuyên hoặc các nguồn kinh phí khác được Bộ phê duyệt.
5. Đĩa mềm hoặc file điện tử danh mục xin đầu tư sửa chữa lớn xây dựng nhỏ (Mẫu biểu số 01 ban hành theo Thông tư số 112/2006/TT-BTC ngày 27/12/2006 của Bộ Tài chính).

Điều 7. Trình tự tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ phê duyệt kế hoạch và chủ trương đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định

1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ
 - a) Văn thư Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Vụ Tổ chức Cán bộ và Vụ Tài chính (gọi tắt là Vụ) tiếp nhận hồ sơ từ văn thư Bộ hoặc đơn vị gửi trực tiếp đến văn thư Vụ theo thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 5;
 - b) Lãnh đạo Vụ xử lý văn bản, chuyển Tổ chuyên môn hoặc phòng chuyên môn để giao chuyên viên thụ lý hồ sơ;
 - c) Chuyên viên được giao thụ lý, kiểm tra hồ sơ hoàn chỉnh theo quy định tại Điều 6. Trường hợp hồ sơ chưa đúng hoặc thiếu so với quy định có trách nhiệm thông báo cho đơn vị bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 5 ngày làm việc (kể từ ngày hồ sơ đến văn thư).
2. Xem xét hồ sơ, thẩm tra và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt:
 - a) Trách nhiệm của chuyên viên được giao tiếp nhận hồ sơ: kiểm tra xem xét hồ sơ, soạn thảo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định trình Lãnh đạo Vụ phê duyệt hoặc trình Lãnh đạo Vụ ký trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt, phát hành văn bản và chuyển văn thư Vụ lưu theo quy định.
 - b) Thời hạn của chuyên viên được giao tiếp nhận hồ sơ:
 - Đối với các Quyết định trình Lãnh đạo Bộ ký: Sau 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hoàn chỉnh của đơn vị, chuyên viên kiểm tra hồ sơ, dự thảo Quyết định trình Lãnh đạo Vụ ký trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

- Đối với các Quyết định trình Lãnh đạo Vụ ký: Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoàn chỉnh, chuyên viên kiểm tra hồ sơ, dự thảo Quyết định trình Lãnh đạo Vụ phê duyệt.

Điều 8. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định: các đơn vị lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình (Nội dung của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 của Luật Xây dựng và Điều 13 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình) gửi về Bộ (Cục Quản lý xây dựng công trình làm đầu mối phê duyệt).

2. Bộ ủy quyền

a) Cục Quản lý xây dựng công trình quyết định phê duyệt báo cáo KTKT-XD công trình có tính chất đầu tư xây dựng công trình;

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán để người quyết định đầu tư phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

c) Chủ đầu tư phê duyệt chủ trương đầu tư, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (với xây dựng: Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình) đối với các dự án dưới 500 triệu đồng.

Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư (khi đã có kết quả thẩm định) dự án hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình đồng thời là người có thẩm quyền quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm Phê duyệt hồ sơ mời thầu; Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu theo quy định.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Phê duyệt hồ sơ mời thầu; Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu theo quy định bằng văn bản về Bộ (Cục Quản lý xây dựng Công trình) sau 5 ngày làm việc khi có kết quả.

Điều 10. Điều chỉnh, phê duyệt điều chỉnh hạng mục và thẩm quyền phê duyệt đầu tư

1. Thời gian điều chỉnh: Thực hiện trong năm tài chính.

2. Đơn vị nào chịu trách nhiệm thẩm định dự án đầu tư sẽ là đơn vị chịu trách nhiệm thẩm định dự án điều chỉnh theo quy định. Trường hợp điều chỉnh dự án

không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu và không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh dự án. Những nội dung thay đổi phải được thẩm định lại.

Điều 11. Nghiệm thu

1. Tài sản đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ phải thực hiện đầy đủ thủ tục nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định hiện hành.

2. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Bộ về nghiệm thu, bàn giao đưa tài sản đầu tư sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ vào sử dụng.

3. Các Vụ, Cục được giao thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, Báo cáo kinh tế kỹ thuật có trách nhiệm kiểm tra việc nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng để báo cáo Bộ theo quy định.

Điều 12. Phê duyệt quyết toán kinh phí sửa chữa lớn, xây dựng nhỏ tài sản cố định

1. Hàng năm, kết thúc niên độ ngân sách, các dự án, công trình xây dựng sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư khi hoàn thành phải lập báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán hoàn thành theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 và Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 33/2007/TT-BTC và quyết toán cùng với kinh phí chi thường xuyên hàng năm của đơn vị.

2. Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo Thông tư số 33/2007/TT-BTC và quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

a) Đối với hạng mục công trình hoàn thành:

Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06/QTDA

b) Đối với dự án hoàn thành:

Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08/QTDA

3. Hồ sơ trình duyệt (01 bộ gửi Vụ Tài chính):

a) Đối với dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành, gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản gốc);

- Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại mục II, Phần II của Thông tư số 33/2007/TT-BTC;

- Các văn bản pháp lý có liên quan được kê khai theo Mẫu số 02/QTDA (bản gốc hoặc bản sao).

- Các hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có) giữa chủ đầu tư với các nhà thầu thực hiện dự án (bản gốc hoặc bản sao).

- Các biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng công trình, Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án, công trình hoặc hạng mục công trình để đưa vào sử dụng (bản gốc hoặc bản sao).

- Toàn bộ các bản quyết toán giá trị và khối lượng A-B (bản gốc).

- Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành (nếu có, bản gốc) và văn bản của chủ đầu tư về kết quả kiểm toán: nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất, kiến nghị.

- Kết luận thanh tra, Biên bản kiểm tra, Báo cáo kiểm toán của các cơ quan: Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có); kèm theo báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

- Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư khi dự án hoàn thành.

Trong quá trình thẩm tra, chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình cho cơ quan thẩm tra các tài liệu phục vụ công tác thẩm tra quyết toán: Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công, hồ sơ đấu thầu, dự toán thiết kế, dự toán bổ sung và các hồ sơ chứng từ thanh toán có liên quan.

4. Thời gian lập báo cáo quyết toán, kiểm toán và thẩm tra phê duyệt quyết toán

Thời gian lập báo cáo quyết toán, kiểm toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Thời gian lập báo cáo quyết toán (BCQT) dự án hoàn thành được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng; thời gian kiểm toán (nếu có) tính từ ngày hợp đồng kiểm toán có hiệu lực; thời gian thẩm tra và phê duyệt tính từ ngày cơ quan thẩm tra nhận đủ hồ sơ trình duyệt của Chủ đầu tư: Thời gian tối đa được quy định cụ thể như sau:

- Thời gian tối đa để lập (BCQT): 3 tháng.

- Thời gian tối đa để thẩm tra phê duyệt quyết toán: 3 tháng

5. Thẩm tra quyết toán: Vụ Tài chính trực tiếp thẩm tra.

6. Phương pháp thẩm tra

Sử dụng phương pháp đối chiếu, xem xét, so sánh giữa số liệu báo cáo quyết toán của chủ đầu tư với hồ sơ quyết toán (tài liệu pháp lý, tài liệu đấu thầu, hợp đồng,

thanh lý hợp đồng, hồ sơ nghiệm thu hoàn công...). Không kiểm kê hiện vật, xác minh đối chiếu nguồn gốc xuất xứ của hồ sơ tài liệu, hóa đơn chứng từ. Chủ đầu tư, nhà thầu liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu, tài liệu và nguồn gốc của chứng từ hóa đơn.

7. Biên bản thẩm tra

Kết thúc thẩm tra, tổ thẩm tra lập Biên bản kết quả thẩm tra quyết toán. Biên bản phải thể hiện đầy đủ những nội dung đã được thẩm tra theo quy định tại khoản 2 Mục VI Thông tư số 33/2007/TT-BTC và Quyết định số 56/2008/QĐ-BTC ngày 17/7/2008 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Căn cứ và cơ sở để tiến hành thẩm tra;
- Số liệu được chấp nhận quyết toán;
- Số liệu không chấp nhận quyết toán, nêu rõ nguyên nhân, cơ sở tính toán và đồng thời xác định lại số liệu đúng.

- Nhận xét về thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư và báo cáo quyết toán; nội dung thẩm tra và số liệu đề nghị Bộ phê duyệt; đánh giá, kiến nghị.

- Phụ lục phải thể hiện các chỉ tiêu cơ bản (chi tiết theo từng hạng mục hoặc gói thầu, nội dung chi khác): Tổng mức đầu tư được duyệt; tổng dự toán; giá trị trúng thầu, bổ sung giá thầu (nếu có) và dự toán được duyệt (trường hợp hạng mục, công việc công trình không phải đấu thầu và các nội dung chi khác); giá trị được cấp phát vốn; giá trị kiểm toán (nếu công trình được kiểm toán), thanh tra (nếu có); số đề nghị duyệt quyết toán của đơn vị; giá trị chấp nhận quyết toán; giá trị chênh lệch không chấp nhận quyết toán.

- Các thành viên trong tổ tham gia thẩm tra quyết toán phải ký vào biên bản. Trường hợp có ý kiến khác, thành viên đó được quyền bảo lưu bằng văn bản giải trình của mình và kèm theo những chứng cứ chứng minh cho việc giải trình đề trình Bộ.

8. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán

Theo ủy quyền của Bộ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tài chính quyết định phê duyệt quyết toán.

Điều 13. Hạch toán tài sản cố định

Các đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm mở sổ kế toán theo dõi, hạch toán ghi tăng giá trị tài sản cố định, tăng nguồn hình thành tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Trong quá trình thực hiện chủ đầu tư vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, gây chậm tiến độ, thất thoát, lãng phí, bị xử phạt theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại kinh tế thì phải bồi thường. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm liên đới nếu để các nhà thầu, đơn vị tư vấn, chuyên gia vi phạm các quy định của pháp luật.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ và Cục trưởng Cục quản lý xây dựng công trình có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Thông tư này và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trong lập dự toán sửa chữa lớn, xây dựng nhà tài sản cố định từ nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư hàng năm.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất về Bộ (Vụ Tài chính) để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày ký./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Diệp Kinh Tân